



## Quản lý môi trường để phát triển bền vững

Cơ sở văn hóa Việt Nam (Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

**HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN  
KHOA TUYÊN TRUYỀN**



**TIỂU LUẬN**

**MÔN: LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ  
MÔI TRƯỜNG**

**Đề tài: QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG ĐỂ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở  
VIỆT NAM HIỆN NAY**

**Nhóm học viên:     Giản Quốc Bình**

**Nguyễn Tuấn Hiền**

**Nguyễn Quỳnh Trang**

**Khuất Ngọc Trường**

**Lớp:     Quản lý văn hóa, giáo dục và khoa học K23.2**

**HÀ NỘI – 11/2018**

## MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	3
1. Lý do chọn đề tài.....	3
Chương 1 : LÝ LUẬN CHUNG VỀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG.....	5
1.1. Khái niệm về quản lý môi trường.....	5
1.2. Phát triển bền vững.....	5
1.3. Quản lý môi trường để phát triển bền vững.....	10
1.4. Vai trò của quản lý môi trường đối với sự phát triển bền vững.....	13
Chương 2 : THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM .....	17
2.1. Nội dung công tác quản lý nhà nước về môi trường của Việt Nam.....	17
2.2. Các hình thức cơ bản quản lý môi trường ở Việt Nam.....	17
2.3. Giáo dục môi trường.....	23
2.4. Truyền thông môi trường.....	23
KẾT LUẬN.....	25
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	27

# MỞ ĐẦU

## 1. Lý do chọn đề tài

Như mọi người đều biết, ngày nay sự phát triển của nền kinh tế đã kéo theo những vấn đề nghiêm trọng về mặt môi trường. Vào những năm cuối của thế kỷ XX, mâu thuẫn giữa môi trường và phát triển ngày càng thể hiện rõ nét trên phạm vi toàn cầu. Môi trường sống của chúng ta đang bị đe dọa nghiêm trọng. Do vậy yêu cầu cấp bách đặt ra cho mỗi Quốc gia, mỗi Doanh nghiệp và mỗi người là phải tìm mọi cách để duy trì sự phát triển bền vững. Thuật ngữ “Phát triển bền vững” xuất hiện lần đầu tiên vào năm 1980 trong ấn phẩm “Chiến lược bảo tồn thế giới” do Hiệp hội bảo tồn thiên nhiên và tài nguyên thiên nhiên quốc tế công bố. Tuy nhiên cho tới năm 1987 thì thuật ngữ này mới được phổ biến rộng rãi thông qua bản báo cáo có tựa đề “Tương lai của chúng ta” do Ủy ban môi trường và Phát triển thế giới đưa ra. Trong báo cáo này đã nêu rõ “Phát triển bền vững là sự phát triển có thể đáp ứng được những nhu cầu hiện tại mà không ảnh hưởng, tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai”. Phát triển bền vững như một chiếc kiềng được giữ vững bởi 3 “chân” : kinh tế - xã hội – môi trường. Như vậy, sự phát triển bền vững có thể nói theo cách khác: là sự phát triển đảm bảo tính hiệu quả về kinh tế, tính công bằng xã hội và môi trường được bảo vệ, gìn giữ...

Hội nghị thượng đỉnh Trái đất diễn ra ở Rio de Janeiro (Braxin) năm 1992 và Johannesburg (Nam Phi) năm 2002, khái niệm phát triển bền vững đã được cộng đồng thế giới thừa nhận và đưa ra chương trình nghị sự 21 toàn cầu- chương trình về sự phát triển bền vững của thế giới trong thế kỷ XXI.

Tại Rio de Janeiro , Chính phủ Việt Nam đã ký cam kết thực hiện chương trình nghị sự 21 và để thực hiện cam kết của Việt Nam với cộng đồng quốc tế, tháng 8 năm 2004 Chính phủ đã phê duyệt và ban hành “Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam”. Đây là một hướng tiếp cận mới, mang tính hệ thống, dài hạn, đảm bảo sự phát triển của thế hệ hôm nay mà không làm phương hại, cản trở đến sự phát triển của thế hệ mai sau. Đó là sự phát triển hài hoà cả về kinh tế, xã hội, văn hoá, môi trường trong điều kiện của đất nước.

Xuất phát từ những lý do trên tác giả chọn: “***Quản lý môi trường để phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay***” làm đề tài nghiên cứu tiểu luận của mình.

## **2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu đề tài**

Từ cơ sở lý thuyết và thực tiễn, hệ thống hóa khái niệm quản lý môi trường để phát triển bền vững. Để thực hiện được mục tiêu nghiên cứu trên, người nghiên cứu xác định phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Một là, làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về quản lý môi trường và phát triển bền vững.

- Hai là, chỉ ra thực trạng quản lý môi trường hiện nay.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài**

- Đối tượng nghiên cứu: Đề tài tập trung nghiên cứu quản lý môi trường để phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay.

- Phạm vi nghiên cứu: Những vấn đề lý luận và thực tiễn về quản lý môi trường để phát triển bền vững từ năm 1986 đến nay.

## **4. Cơ sở lý luận và phương pháp luận nghiên cứu đề tài**

- Phương pháp luận: Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm chính sách của Đảng và Nhà nước về pháp luật trong lĩnh vực báo chí.

- Phương pháp nghiên cứu chủ đạo: Sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, kết hợp với phương pháp ăng-két, phân tích, tổng hợp, so sánh để giải quyết một số nhiệm vụ của đề tài.

## **5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài**

Góp phần làm rõ về mặt lý luận và thực tiễn về quản lý môi trường để phát triển bền vững.

## **6. Kết cấu của đề tài**

Đề tài gồm hai chương, phần mở đầu, phần kết luận và tài liệu tham khảo.

# **Chương 1 : LÝ LUẬN CHUNG VỀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

## **1.1. Khái niệm về quản lý môi trường**

"Quản lý môi trường là tổng hợp các biện pháp, luật pháp, chính sách kinh tế, kỹ thuật, xã hội thích hợp nhằm bảo vệ chất lượng môi trường sống và phát triển bền vững kinh tế xã hội quốc gia"

Quản lý môi trường là một hoạt động trong lĩnh vực quản lý xã hội, có tác động điều chỉnh các hoạt động của con người dựa trên sự tiếp cận có hệ thống và các kỹ năng điều phối thông tin đối với các vấn đề môi trường có liên quan đến con người xuất phát từ quan điểm định hướng, hướng tới phát triển bền vững và sử dụng hợp lý tài nguyên" (Luu Đức Hải và Nguyễn Ngọc Sinh, 2001)

Quản lý môi trường được thực hiện bằng tổng hợp các biện pháp: luật pháp, chính sách, kinh tế, kỹ thuật, công nghệ, xã hội, văn hóa, giáo dục... Các biện pháp này có thể đan xen, phối hợp, tích hợp với nhau tùy theo điều kiện cụ thể của vấn đề đặt ra. Việc quản lý môi trường được thực hiện ở mọi quy mô: toàn cầu, khu vực, quốc gia, tỉnh, huyện, cơ sở sản xuất, hộ gia đình,... Một cộng đồng muốn được sống bền vững, thì trước hết phải quan tâm bảo vệ cuộc sống của chính mình và không làm ảnh hưởng đến môi trường của cộng đồng khác (Luu Đức Hải và Nguyễn Ngọc Sinh, 2001). Để quản lý môi trường có hiệu quả cần phải nâng cao nhận thức của người dân được xem là giải pháp cho những vấn đề của cộng đồng (Trần Minh Hiền, 1999).

## **1.2. Phát triển bền vững**

### **1.2.1. Khái niệm phát triển bền vững**

Phát triển bền vững là một khái niệm mới nảy sinh từ sau cuộc khủng hoảng môi trường, do đó cho đến nay chưa có một định nghĩa nào đầy đủ và thống nhất. Một số định nghĩa của Khoa học Môi trường bàn về phát triển bền vững gồm có:

Theo Hội đồng thế giới về môi trường và phát triển (World Commission and Environment and Development, WCED) thì "phát triển bền vững là sự phát triển đáp ứng các nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng các nhu cầu của các thế hệ tương lai"

Phát triển bền vững là một mô hình chuyển đổi mà nó tối ưu các lợi ích kinh tế và xã hội trong hiện tại nhưng không hề gây hại cho tiềm năng của những lợi ích tương tự trong tương lai (Gôdian và Hecdue, 1988, GS. Grima Lino)

Về nguyên tắc, phát triển bền vững là quá trình vận hành đồng thời ba bình diện phát triển: kinh tế tăng trưởng bền vững, xã hội thịnh vượng, công bằng, ổn định, văn hoá đa dạng và môi trường được trong lành, tài nguyên được duy trì bền vững. Do vậy, hệ thống hoàn chỉnh các nguyên tắc đạo đức cho phát triển bền vững bao gồm các nguyên tắc phát triển bền vững trong cả “ba thế chân kiềng” kinh tế, xã hội, môi trường. Nói cách khác, muốn phát triển bền vững thì phải cùng đồng thời thực hiện 3 mục tiêu: Phát triển có hiệu quả về kinh tế; Phát triển hài hòa các mặt xã hội; nâng cao mức sống, trình độ sống của các tầng lớp dân cư và cải thiện môi trường môi sinh, bảo đảm phát triển lâu dài vững chắc cho thế hệ hôm nay và mai sau.

- Môi trường bền vững: Khía cạnh môi trường trong phát triển bền vững đòi hỏi chúng ta duy trì sự cân bằng giữa bảo vệ môi trường tự nhiên với sự khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên phục vụ lợi ích con người nhằm mục đích duy trì mức độ khai thác những nguồn tài nguyên ở một giới hạn nhất định cho phép môi trường tiếp tục hỗ trợ điều kiện sống cho con người và các sinh vật sống trên trái đất.

- Xã hội bền vững: Khía cạnh xã hội của phát triển bền vững cần được chú trọng vào sự phát triển sự công bằng và xã hội luôn cần tạo điều kiện thuận lợi cho lĩnh vực phát triển con người và cố gắng cho tất cả mọi người cơ hội phát triển tiềm năng bản thân và có điều kiện sống chấp nhận được.

- Kinh tế bền vững: Yếu tố kinh tế đóng một vai trò không thể thiếu trong phát triển bền vững. Nó đòi hỏi sự phát triển của hệ thống kinh tế trong đó cơ hội dễ tiếp xúc với những nguồn tài nguyên được tạo điều kiện thuận lợi và quyền sử dụng những nguồn tài nguyên thiên nhiên cho các hoạt động kinh tế được chia sẻ một cách bình đẳng. Khẳng định sự tồn tại cũng như phát triển của bất cứ ngành kinh doanh, sản xuất nào cũng được dựa trên những nguyên tắc đạo lý cơ bản. Yếu tố được chú trọng ở đây là tạo ra sự thịnh vượng chung cho tất cả mọi người, không chỉ tập trung mang lại lợi nhuận cho một số ít, trong một giới hạn cho phép của hệ sinh thái cũng như không xâm phạm những quyền cơ bản của con người. Mỗi mục tiêu phát triển có vị trí riêng của nó nhưng luôn được gắn một cách hữu cơ với mục tiêu khác. Sự hoà nhập hài hoà

hữu cơ này tạo nên sự phát triển tối ưu cho cả nhu cầu hiện tại và tương lai vì xã hội loài người.

### *1.2.2. Các mô hình phát triển bền vững*

- Theo Jacobs và Sadler (1990)

Phát triển bền vững là kết quả của sự tương tác qua lại và phụ thuộc lẫn nhau của 3 hệ thống chủ yếu của thế giới: Hệ thống tự nhiên (bao gồm các hệ sinh thái tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, các thành phần Môi trường của trái đất); hệ thống kinh tế (hệ sản xuất và phân phối sản phẩm); hệ thống xã hội (quan hệ của những con người trong xã hội)

- Mô hình của hoạt động môi trường và phát triển bền vững thế giới, người ta tập trung trình bày quan điểm về phát triển bền vững trong các lĩnh vực sau: Mô hình của Ngân hàng thế giới hiểu Phát triển bền vững là sự phát triển kinh tế xã hội để đồng thời đạt được các mục tiêu kinh tế, mục tiêu xã hội, mục tiêu môi trường.

- Mô hình Phát triển bền vững của Villen 1990. Gồm các nội dung cụ thể để duy trì sự cân bằng của mối quan hệ kinh tế - sinh thái - xã hội đang duy trì phát triển kinh tế xã hội ở các quốc gia.

Như vậy, về cơ bản, nói đến phát triển bền vững không đơn thuần chỉ là nói về riêng việc bảo vệ môi trường mà còn bao hàm cả phương diện xã hội và kinh tế. Ba mô hình trên đã minh họa rõ nét điều này. Đó là 3 mặt của một vấn đề, là 3 trụ của một ngôi nhà, là ba hình oval lồng ghép chặt chẽ với nhau và là 3 vấn đề có sự đan xen lẫn nhau.

### *1.1.3. Các nguyên tắc xây dựng xã hội phát triển bền vững*

Hội nghị Thượng đỉnh về Môi trường và Phát triển bền vững diễn ra ở Rio de Janeiro (Braxin) năm 1992 và Johannesburg (Nam Phi) năm 2002, khái niệm phát triển bền vững đã được cộng đồng thế giới thừa nhận và đưa ra chương trình nghị sự 21 toàn cầu- chương trình về sự phát triển bền vững của thế giới trong thế kỷ XXI.

Có 9 nguyên tắc được đưa ra chỉ sự Phát triển bền vững như sau:

*(1). Tôn trọng và quan tâm đến đời sống cộng đồng.*

- Nền đạo đức dựa vào sự tôn trọng và quan tâm lẫn nhau và Trái đất là nền tảng cho sự sống bền vững. Sự phát triển không được làm tổn hại đến lợi ích của các



nhóm khác hay các thể hệ mai sau, đồng thời không đe dọa đến sự tồn tại của những loại khác.

- Bốn đối tượng cần thiết để thực hiện nguyên tắc này:

- + Đạo đức và lối sống bền vững cần phải được tạo ra bằng cách đối thoại giữa những người lãnh đạo tôn giáo, những nhà tư tưởng, những nhà lãnh đạo xã hội, các nhóm công dân và tất cả những người quan tâm.

- + Các quốc gia cần soạn thảo bản tuyên ngôn chung và bản giao kèo về sự bền vững để tham gia vào nền đạo đức thế giới và phải biết kết hợp những nguyên tắc của sự bền vững vào Hiến pháp và Luật pháp của nước mình.

- + Con người nên thể hiện đạo đức này vào tất cả những hành vi cá nhân và tư cách nghề nghiệp ở tất cả các hoạt động của cuộc đời.

- + Một cơ quan quốc tế mới cần được thành lập để theo dõi sự thực hiện nền đạo đức thế giới và hướng sự quan tâm của quần chúng vào những điểm quan trọng của nó.

### *(2). Cải thiện chất lượng cuộc sống con người.*

Mục tiêu của phát triển là cải thiện chất lượng cuộc sống con người. Con người có những mục tiêu khác nhau trong việc phát triển, nhưng một số mục tiêu nói chung là phổ biến. Phát triển chỉ đúng vào nghĩa của nó khi nó làm cho cuộc sống của chúng ta tốt hơn trong toàn bộ những khía cạnh này.

### *(3). Bảo vệ sức sống và tính đa dạng trên Trái đất.*

Phát triển phải dựa vào bảo vệ: nó phải bảo vệ cấu trúc, chức năng và tính đa dạng của những hệ tự nhiên thế giới mà loài người chúng ta phải phụ thuộc vào chúng. Để đạt được điều đó cần phải:

- Bảo vệ các hệ duy trì sự sống

- Bảo vệ tính đa dạng sinh học

- Bảo đảm cho việc sử dụng bền vững các tài nguyên tái tạo.

### *(4). Giảm đến mức thấp nhất sự khánh kiệt nguồn tài nguyên không tái tạo.*

Sự khánh kiệt nguồn tài nguyên không tái tạo như khoáng sản, dầu khí và than phải được giảm đến mức thấp nhất. “Tuổi thọ” của những tài nguyên không tái tạo có thể được tăng lên bằng cách tái chế.

### *(5). Tôn trọng khả năng chịu đựng của Trái đất.*

Sức chịu đựng của các hệ sinh thái của Trái đất là rất có hạn, mỗi khi bị tác động vào, các hệ sinh thái và sinh quyển khó có thể tránh khỏi những suy thoái nguy hiểm. Để đảm bảo cho việc sử dụng nguồn tài nguyên tái tạo một cách bền vững, cần có 3 hoạt động:

Sự tăng dân số và tiêu thụ tài nguyên cần phải được đặt trong một giải pháp tổng hợp và hiện thực trong quy hoạch và chính sách phát triển quốc gia.

- Cần tạo ra những sản phẩm mới để bảo vệ tài nguyên và tránh những lãng phí, thử nghiệm chúng và áp dụng chúng.

- Hoạt động nhằm ổn định dân số phải dựa trên sự hiểu biết các nhân tố tương tác với nhau để xác định kích thước của gia đình.

- Muốn đứng vững trong khả năng chịu tải của Trái đất và điều kiện để cải thiện chất lượng cuộc sống của con người, cần có những hoạt động nhằm quản lý và bảo vệ các hệ sinh thái bền vững.

#### *(6). Thay đổi thái độ và hành vi cá nhân.*

Để thay đổi thái độ và hành vi của con người cần phải có một chiến dịch thông tin do phong trào phi Chính phủ đảm nhiệm được các Chính phủ khác khuyến khích.

Nền giáo dục chính thống về môi trường cho trẻ em và người lớn cần phải được phổ cập và kết hợp với giáo dục ở tất cả các cấp.

Cần phải có những hỗ trợ hơn nữa để giúp đào tạo về phát triển bền vững.

#### *(7). Giúp cho các cộng đồng có khả năng tự giữ gìn môi trường của mình.*

Môi trường là ngôi nhà chung, không phải của riêng một cá nhân nào, cộng đồng nào. Vì vậy, việc cứu lấy Trái đất và xây dựng một cuộc sống bền vững phụ thuộc vào niềm tin và sự đóng góp của mỗi cá nhân. Tuy nhiên, những cộng đồng cần phải có được thẩm quyền, khả năng và kiến thức để hoạt động. Có 3 loại hoạt động:

- Các cộng đồng cần có sự kiểm soát hữu hiệu công việc của chính họ.

- Các cộng đồng phải được cung cấp nhu cầu thiết yếu của mình trong khi họ tiến hành bảo vệ môi trường.

- Giao quyền lực để giúp các chính quyền địa phương và các cộng đồng thực hiện được vai trò của mình trong việc gìn giữ môi trường.

#### *(8). Đưa ra một khuôn mẫu quốc gia cho sự phát triển tổng hợp và bảo vệ.*

Để đạt tới một nền đạo đức cho lối sống bền vững, mỗi người cần kiểm tra lại phẩm chất của mình và thay đổi thái độ.

Một xã hội muốn bền vững phải biết kết hợp hài hòa giữa phát triển và bảo vệ môi trường, phải xây dựng được một sự đồng tâm nhất trí và đạo đức cuộc sống bền vững trong các cộng đồng.

Một quốc gia muốn đạt tới tính bền vững cần phải bao gồm toàn bộ quyền lợi, phát hiện và ngăn chặn các vấn đề trước khi chúng nảy sinh. Chương trình này phải thích ứng, liên tục định chỉnh phương hướng hoạt động của mình để phù hợp với thực tế và những nhu cầu mới.

Hội đồng quốc gia cần phải có 4 thành phần:

- Phải có những tổ chức có quan điểm tổng hợp, nhìn xa trông rộng, quan hệ giữa các khu vực khi quyết định.

- Tất cả các nước cần phải có một hệ thống toàn diện về luật môi trường nhằm bảo vệ quyền sống của con người, quyền lợi của các thế hệ mai sau, sức sản xuất và sự đa dạng của Trái đất.

- Những chính sách kinh tế và cải tiến công nghệ để nâng cao phúc lợi từ một nguồn tài nguyên và duy trì sự giàu có của thiên nhiên.

- Vấn đề kiến thức, dựa trên kết quả nghiên cứu và giám sát.

*(9). Xây dựng khối liên minh toàn cầu.*

Tính bền vững toàn cầu phụ thuộc vào sự liên minh vững chắc giữa tất cả các quốc gia nhưng mức độ phát triển trên thế giới lại không đồng đều và các nước có thu nhập thấp hơn được giúp đỡ để phát triển bền vững và để bảo vệ môi trường của mình. Cần thiết phải:

- Tăng cường luật pháp quốc tế.

- Giúp đỡ các nước có thu nhập thấp hơn xác định được những ưu tiên về môi trường.

- Xoay vòng các dòng tài chính.

- Tăng cường những cam kết và quyền lực quốc tế để đạt được sự bền vững.

### **1.3. Quản lý môi trường để phát triển bền vững**

#### *1.3.1. Mục tiêu của quản lý môi trường*

Mục tiêu cơ bản của công tác quản lý môi trường là phát triển bền vững, giữ cho được sự cân bằng giữa phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường (BVMT). Nói cách khác, phát triển kinh tế xã hội tạo ra tiềm lực kinh tế để BVMT, còn BVMT tạo ra các tiềm năng tự nhiên và xã hội mới cho công cuộc phát triển kinh tế xã hội trong tương lai.

Tùy thuộc vào điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, hệ thống pháp lý, mục tiêu phát triển ưu tiên của từng quốc gia, mục tiêu quản lý môi trường có thể thay đổi theo thời gian và có những ưu tiên riêng đối với mỗi quốc gia.

Theo Chỉ thị 36 CT/TW của Bộ Chính trị, Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, một số mục tiêu cụ thể của công tác quản lý môi trường Việt Nam hiện nay là:

- Khắc phục và phòng chống suy thoái, ô nhiễm môi trường phát sinh trong hoạt động sống của con người.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về môi trường từ Trung ương đến địa phương, công tác nghiên cứu, đào tạo cán bộ về môi trường

- Hoàn chỉnh hệ thống văn bản luật pháp bảo vệ môi trường, ban hành các chính sách về phát triển kinh tế xã hội phải gắn với bảo vệ môi trường, nghiêm chỉnh thi hành luật bảo vệ môi trường.

- Phát triển bền vững kinh tế và xã hội quốc gia theo 9 nguyên tắc của một xã hội bền vững do hội nghị Rio-92 đề xuất. Các khía cạnh của phát triển bền vững bao gồm:

- + Tôn trọng và quan tâm đến cuộc sống cộng đồng.
- + Cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống của con người.
- + Bảo vệ sức sống và tính đa dạng của trái đất.
- + Giữ vững trong khả năng chịu đựng của trái đất.
- + Thay đổi thái độ, hành vi và xây dựng đạo đức mới vì sự phát triển bền vững.
- + Tạo điều kiện để cho các cộng đồng tự quản lý lấy môi trường của mình.
- + Tạo ra một cơ cấu quốc gia thống nhất thuận lợi cho việc phát triển bền vững.
- + Xây dựng khối liên minh toàn thế giới về bảo vệ và phát triển.
- + Xây dựng một xã hội bền vững.

- Phát triển bền vững kinh tế, bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên, không tạo ra ô nhiễm và suy thoái chất lượng môi trường sống, nâng cao sự văn minh và công bằng xã hội.

- Xây dựng các công cụ có hiệu lực quản lý môi trường quốc gia và các vùng lãnh thổ. Các công cụ trên phải thích hợp cho từng ngành, từng địa phương và cộng đồng dân cư.

### *1.3.2. Sự tác động qua lại giữa môi trường và con người*

#### *\*Tác động của các yếu tố môi trường tự nhiên đến con người*

- Tích cực: Môi trường tự nhiên cung cấp nguyên liệu và không gian cho sản xuất xã hội. Con người sống trên Trái đất cần có không khí để hít thở, nước và thực phẩm để nuôi dưỡng cơ thể, đất đai để xây dựng nhà cửa, trồng cây, chăn nuôi và tiến hành các hoạt động sản xuất...Môi trường tự nhiên gắn liền với sự tồn tại của con người và là cơ sở để con người sống và phát triển.

- Tiêu cực: Môi trường tự nhiên cung cấp tài nguyên cần thiết cho con người duy trì sự sống. Tuy nhiên, cũng phải nói rằng môi trường tự nhiên cũng là nơi gây ra nhiều thảm họa cho con người (thiên tai), và các thảm họa này sẽ tăng lên nếu con người gia tăng các hoạt động mang tính tàn phá môi trường, gây mất cân bằng tự nhiên.

#### *\* Tác động của con người đến môi trường tự nhiên*

- Tích cực: Con người cải tạo môi trường tự nhiên thông qua việc cải tạo đất, nguồn nước, trồng cây xanh, trồng rừng, bảo vệ các loài động thực vật quý hiếm. Tuy nhiên phần lớn hoạt động của con người điều mang lại tác động tiêu cực cho môi trường tự nhiên.

- Tiêu cực :

+ Chặt phá rừng, chuyển đất rừng thành đất nông nghiệp làm mất đi nhiều loại động, thực vật quý hiếm, tăng xói mòn đất, thay đổi khả năng điều hoà nước và biến đổi khí hậu...

+ Gây ô nhiễm môi trường do các loại chất thải sinh hoạt và công nghiệp

+ Các hoạt động của con người trên trái đất ngăn cản chu trình tuần hoàn nước, ví dụ đắp đập, xây nhà máy thủy điện, phá rừng đầu nguồn... Việc này có thể gây ra

úng ngập hoặc khô hạn nhiều khu vực, thay đổi điều kiện sống bình thường của các sinh vật nước...

+ Gây mất cân bằng sinh thái thông qua việc: Săn bắn quá mức, đánh bắt quá mức. Săn bắt các loài động vật quý hiếm như rái cá, sếu đầu đỏ, lợn rừng... có thể dẫn đến sự tuyệt chủng.

#### **1.4. Vai trò của quản lí môi trường đối với sự phát triển bền vững**

Muốn phát triển bền vững thì trong phát triển phải tính đến yếu tố môi trường. Sự phân tích của các tác giả theo 3 vấn đề tác động đến môi trường để chúng ta lựa chọn, xem xét cả trên bình diện quốc tế, quốc gia, vùng lãnh thổ và từng địa phương. Suy cho cùng thì mỗi chúng ta cần phấn đấu cho một môi trường trong sạch, cho sự phát triển bền vững của cả chúng ta và các thế hệ mai sau.

Môi trường tự nhiên và sản xuất xã hội quan hệ khăng khít, chặt chẽ, tác động lẫn nhau trong thế cân đối thống nhất: Môi trường tự nhiên (bao gồm cả tài nguyên thiên nhiên) cung cấp nguyên liệu và không gian cho sản xuất xã hội. Sự giàu nghèo của mỗi nước phụ thuộc khá nhiều vào nguồn tài nguyên: Rất nhiều quốc gia phát triển chỉ trên cơ sở khai thác tài nguyên để xuất khẩu đổi lấy ngoại tệ, thiết bị công nghệ hiện đại,... Có thể nói, tài nguyên nói riêng và môi trường tự nhiên nói chung (trong đó có cả tài nguyên) có vai trò quyết định đối với sự phát triển bền vững về kinh tế - xã hội (KT-XH) ở mỗi quốc gia, vùng lãnh thổ, địa phương vì:

Thứ nhất, môi trường không những chỉ cung cấp “đầu vào” mà còn chứa đựng “đầu ra” cho các quá trình sản xuất và đời sống.

Hoạt động sản xuất là một quá trình bắt đầu từ việc sử dụng nguyên, nhiên liệu, vật tư, thiết bị máy móc, đất đai, cơ sở vật chất kỹ thuật khác, sức lao động của con người để tạo ra sản phẩm hàng hóa. Những dạng vật chất trên không phải gì khác, mà chính là các yếu tố môi trường.

Các hoạt động sống cũng vậy, con người ta cũng cần có không khí để thở, cần có nhà để ở, cần có phương tiện để đi lại, cần có chỗ vui chơi giải trí, học tập nâng cao hiểu biết,... Những cái đó không gì khác là các yếu tố môi trường. Như vậy chính các

yếu tố môi trường (yếu tố vật chất kể trên - kể cả sức lao động) là “đầu vào” của quá trình sản xuất và các hoạt động sống của con người. Hay nói cách khác: Môi trường là “đầu vào” của sản xuất và đời sống. Tuy nhiên, cũng phải nói rằng môi trường tự nhiên cũng có thể là nơi gây ra nhiều thảm họa cho con người (thiên tai), và các thảm họa này sẽ tăng lên nếu con người gia tăng các hoạt động mang tính tàn phá môi trường, gây mất cân bằng tự nhiên.

Ngược lại môi trường tự nhiên cũng lại là nơi chứa đựng, đồng hóa “đầu ra” các chất thải của các quá trình hoạt động sản xuất và đời sống. Quá trình sản xuất thải ra môi trường rất nhiều chất thải (cả khí thải, nước thải, chất thải rắn). Trong các chất thải này có thể có rất nhiều loại độc hại làm ô nhiễm, suy thoái, hoặc gây ra các sự cố về môi trường. Quá trình sinh hoạt, tiêu dùng của xã hội loài người cũng thải ra môi trường rất nhiều chất thải. Những chất thải này nếu không được xử lý tốt cũng sẽ gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Vấn đề ở đây là phải làm thế nào để hạn chế được nhiều nhất các chất thải, đặc biệt là chất thải gây ô nhiễm, tác động tiêu cực đối với môi trường.

Thứ hai, môi trường liên quan đến tính ổn định và bền vững của sự phát triển KT-XH.

Phát triển KT-XH là quá trình nâng cao điều kiện sống về vật chất và tinh thần của con người qua việc sản xuất ra của cải vật chất, cải tiến quan hệ xã hội, nâng cao chất lượng văn hóa. Phát triển là xu thế chung của từng cá nhân cũng như của cả loài người trong quá trình sống. Giữa môi trường và sự phát triển có mối quan hệ chặt chẽ: Môi trường là địa bàn và đối tượng của sự phát triển, còn phát triển là nguyên nhân tạo nên các biến đổi của môi trường. Trong hệ thống KT-XH, hàng hóa được di chuyển từ sản xuất đến lưu thông, phân phối và tiêu dùng cùng với dòng luân chuyển của nguyên liệu, năng lượng, sản phẩm, chất thải. Các thành phần đó luôn luôn tương tác với các thành phần tự nhiên và xã hội của hệ thống môi trường đang tồn tại trong địa bàn đó.

Tác động của con người đến môi trường thể hiện ở khía cạnh có lợi là cải tạo môi trường tự nhiên hoặc tạo ra kinh phí cần thiết cho quá trình cải tạo đó, nhưng có thể gây ra ô nhiễm môi trường tự nhiên hoặc nhân tạo. Mặt khác, môi trường tự nhiên

đồng thời cũng tác động đến sự phát triển KT-XH thông qua việc làm suy thoái nguồn tài nguyên - đối tượng của sự phát triển KT-XH hoặc gây ra các thảm họa, thiên tai đối với các hoạt động KT-XH trong khu vực. Ở các quốc gia có trình độ phát triển kinh tế khác nhau có các xu hướng gây ô nhiễm môi trường khác nhau. Ví dụ:

- Ô nhiễm do dư thừa: 20% dân số thế giới ở các nước giàu hiện sử dụng 80% tài nguyên và năng lượng của loài người. Sản xuất công nghiệp phát triển mạnh, hoạt động của quá nhiều các phương tiện giao thông vận tải đã tạo ra một lượng lớn chất thải độc hại vào môi trường (đặc biệt là khí thải). Hiện nay việc có được mua bán hay không quyền phát thải khí thải giữa các nước đang là đề tài tranh luận chưa ngã ngũ trong các hội nghị thượng đỉnh về môi trường, các nước giàu vẫn chưa thực sự tự giác chia sẻ tài lực với các nước nghèo để giải quyết những vấn đề có liên quan tới môi trường.

- Ô nhiễm do nghèo đói: Mặc dù chiếm tới 80% dân số thế giới, song chỉ sử dụng 20% tài nguyên và năng lượng của thế giới, nhưng những người nghèo khổ ở các nước nghèo chỉ có con đường duy nhất là khai thác tài nguyên thiên nhiên (rừng, khoáng sản, đất đai,...) mà không có khả năng hoàn phục. Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM) về môi trường họp vào tháng 1/2002 tại Trung Quốc đã cho rằng nghèo đói là thách thức lớn nhất đối với công tác bảo vệ môi trường (BVMT) hiện nay. Do vậy, để giải quyết vấn đề môi trường, trước hết các nước giàu phải có trách nhiệm giúp đỡ các nước nghèo giải quyết nạn nghèo đói.

Như vậy, để phát triển, dù là giàu có hay nghèo đói đều tạo ra khả năng gây ô nhiễm môi trường. Vấn đề ở đây là phải giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển và BVMT. Để phát triển bền vững không được khai thác quá mức dẫn tới hủy hoại tài nguyên, môi trường; thực hiện các giải pháp sản xuất sạch, phát triển sản xuất đi đôi với các giải pháp xử lý môi trường; bảo tồn các nguồn gen động vật, thực vật; bảo tồn đa dạng sinh học; không ngừng nâng cao nhận thức của nhân dân về BVMT,...

### ***Thứ ba, môi trường có liên quan tới tương lai của đất nước, dân tộc.***

Như trên đã nói, BVMT chính là để giúp cho sự phát triển kinh tế cũng như xã hội được bền vững. KT-XH phát triển giúp chúng ta có đủ điều kiện để đảm bảo an ninh quốc phòng, giữ vững độc lập chủ quyền của dân tộc. Điều đó lại tạo điều kiện



ổn định chính trị xã hội để KT-XH phát triển. BVMT là việc làm không chỉ có ý nghĩa hiện tại, mà quan trọng hơn, cao cả hơn là nó có ý nghĩa cho tương lai. Nếu một sự phát triển có mang lại những lợi ích kinh tế trước mắt mà khai thác cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, hủy hoại môi trường, làm cho các thế hệ sau không còn điều kiện để phát triển mọi mặt (cả về kinh tế, xã hội, thể chất, trí tuệ con người...), thì sự phát triển đó phỏng có ích gì! Nếu hôm nay thế hệ chúng ta không quan tâm tới, không làm tốt công tác BVMT, làm cho môi trường bị hủy hoại thì trong tương lai, con cháu chúng ta chắc chắn sẽ phải gánh chịu những hậu quả tồi tệ.

## **Chương 2 : THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM**

### **2.1. Nội dung công tác quản lý nhà nước về môi trường của Việt Nam**

Nội dung công tác quản lý nhà nước về môi trường của Việt Nam được thể hiện trong Điều 37, Luật Bảo vệ Môi trường, gồm các điểm:

- Ban hành và tổ chức việc thực hiện các văn bản pháp quy về bảo vệ môi trường, ban hành hệ thống tiêu chuẩn môi trường.
- Xây dựng, chỉ đạo thực hiện chiến lược, chính sách bảo vệ môi trường, kế hoạch phòng chống, khắc phục suy thoái môi trường, ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường.
- Xây dựng, quản lý các công trình bảo vệ môi trường, các công trình có liên quan đến bảo vệ môi trường.
- Tổ chức, xây dựng, quản lý hệ thống quan trắc, định kỳ đánh giá hiện trạng môi trường, dự báo diễn biến môi trường.
- Thẩm định các báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án và các cơ sở sản xuất kinh doanh.
- Cấp và thu hồi giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường.
- Giám sát, thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, giải quyết các khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về bảo vệ môi trường, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Đào tạo cán bộ về khoa học và quản lý môi trường.
- Tổ chức nghiên cứu, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.
- Thiết lập quan hệ quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

### **2.2. Các hình thức cơ bản quản lý môi trường ở Việt Nam**

#### *2.2.1. Khái niệm hình thức quản lý môi trường*

Là các phương sách trong quản lý môi trường nhằm đem lại những lợi ích to lớn cho con người, tạo điều kiện cho sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia.

Theo Arnstein (1969), các hình thức quản lý khác nhau nằm trong hai hình thức cơ bản là quản lý hành chính nhà nước và quản lý cộng đồng. Ngoài ra đồng quản lý hay quản lý nguồn lợi dựa vào cộng đồng (QLNLDVCĐ) là hình thức quản lý trung gian giữa hai hình thức trên.

### *2.2.2. Quản lý nhà nước*

Quản lý nhà nước là quản lý môi trường thông qua các công cụ luật pháp, chính sách về môi trường trên phương diện quốc tế và quốc gia. Luật quốc tế về môi trường là tổng thể các nguyên tắc, quy phạm quốc tế điều chỉnh mối quan hệ giữa các quốc gia, giữa quốc gia và các tổ chức quốc tế trong việc ngăn chặn, loại trừ thiệt hại gây ra cho môi trường của từng quốc gia và môi trường ngoài phạm vi tàn phá quốc gia.

Trong phạm vi quốc gia, vấn đề môi trường được đề cập trong nhiều bộ luật, trong đó Luật Bảo vệ Môi trường được quốc hội nước Việt Nam thông qua ngày 27/12/1993 là văn bản quan trọng nhất. Chính phủ đã ban hành Nghị định 175/CP ngày 18/10/1994 về hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ Môi trường và Nghị định 26/CP ngày 26/4/1996 về Xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường. Bộ Luật hình sự, hàng loạt các thông tư, quy định, quyết định của các ngành chức năng về thực hiện luật môi trường đã được ban hành. Một số tiêu chuẩn môi trường chủ yếu được soạn thảo và thông qua. Nhiều khía cạnh bảo vệ môi trường được đề cập trong các văn bản khác như Luật Khoáng sản, Luật Dầu khí, Luật Hàng hải, Luật Lao động, Luật Đất đai, Luật Phát triển và Bảo vệ rừng, Luật Bảo vệ sức khỏe của nhân dân, Pháp lệnh về đê điều, Pháp lệnh về việc bảo vệ nguồn lợi thủy sản, Pháp luật bảo vệ các công trình giao thông. Các văn bản trên cùng với các văn bản về luật quốc tế được nhà nước Việt Nam phê duyệt là cơ sở quan trọng để thực hiện công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

Qua tìm hiểu về hình thức quản lý Nhà nước, chúng tôi rút ra một số ưu và nhược điểm sau:

#### **\* Ưu điểm**

- Quản lý môi trường trên phạm vi vĩ mô.
- Đánh giá được hiệu quả một cách tổng hợp.
- Định hướng được mục tiêu, chương trình hành động.

- Đảm bảo tính thống nhất giữa các tổ chức, cá nhân, giữa các ban ngành chức năng và giữa các địa phương.

**\* Nhược điểm:**

- Việc quản lý nhà nước chủ yếu dựa trên công cụ luật pháp, các chế tài vì thế việc thực hiện tỏ ra cứng nhắc, chưa đồng bộ và phù hợp với nhu cầu của cộng đồng và quốc gia.

- Nhiều tổ chức, cá nhân khi vi phạm nhưng không nhận trách nhiệm. Tuy vậy, nhà nước vẫn chưa có biện pháp xử lý hiệu quả, để lại những hậu quả nặng nề cho môi trường.

- Các hình thức xử lý vi phạm còn mang tính chiếu lệ, chưa đủ sức răn đe, ngăn ngừa.

- Việc quản lý môi trường chưa thực sự mang lại hiệu quả đối với chất lượng cuộc sống của người dân do đó trong quá trình thực hiện gặp nhiều khó khăn, trở ngại như người dân tiếp tay, bảo vệ cho lâm tặc, ...

- Nhận thức về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững của nhiều cấp ủy, lãnh đạo các cấp, các ngành, doanh nghiệp và nhân dân chưa đầy đủ; ý thức bảo vệ môi trường nhìn chung còn thấp.

- Việc hoàn thiện cơ chế, chính sách và hệ thống tổ chức quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường còn chậm, chưa đồng bộ. Đội ngũ cán bộ quản lý môi trường còn thiếu về số lượng, hạn chế về năng lực và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Trình độ khoa học - công nghệ bảo vệ môi trường, xử lý, giải quyết ô nhiễm môi trường còn thấp.

- Nguồn vốn đầu tư và chi thường xuyên cho bảo vệ môi trường chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Tình trạng vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường diễn ra khá phổ biến. Nhiều vi phạm có tổ chức, tinh vi, một số hành vi có dấu hiệu tội phạm.

### 2.2.3. Quản lý tư nhân

Quản lý tư nhân (cá nhân, hộ gia đình) là hình thức quản lý thấp nhất về quy mô. Trong đó, mỗi cá thể là một chủ thể được giao trách nhiệm quản lý chất lượng môi trường ở một khu vực trong một lĩnh vực nào đó. Ví dụ như: Quản lý đất, quản lý rừng, quản lý nguồn lợi thủy sản...

Nhà nước khẳng định quyền quản lý về rừng và đất rừng tập trung vào nhà nước, nhưng lại không đủ lực để thực hiện quyền này. Nhà nước giao cho chính quyền địa phương chi phối, nhưng quyền lực của địa phương thì có hạn (Bruce, 1989).

Việc tối đa hoá hệ quản lý rừng nhà nước đã dẫn đến tình trạng tài nguyên rừng bị suy thoái. Như sự mất và suy thoái rừng nhiệt đới ở 75 nước đang phát triển (năm 1980 có 11,3 triệu ha rừng bị mất, năm 1990 mất tới 15,4 triệu ha); đặc biệt khu vực Đông Nam á có tỷ lệ mất rừng cao nhất là 1,6% năm (tỷ lệ chung của thế giới là 0,8%) (Phạm Hoài Đức, 1997). Sự suy thoái rừng ở các nước đang phát triển đã phản ánh việc quản lý không có hiệu quả của hệ quản lý rừng nhà nước. Nguyên nhân là do chưa đủ lực, trang bị về kỹ thuật, thiếu kinh nghiệm, dân số tăng nhanh, thiếu điều kiện,...

Nhưng nếu quá nhấn mạnh đến hình thức quản lý tư nhân lại dẫn đến những hậu quả xã hội khác. Như ở Philippin người ta chỉ coi trọng quản lý rừng tư nhân và đã gây nên hậu quả xã hội: phân hoá giàu nghèo mãnh liệt, Nhà nước mất quyền lợi, không kiểm soát được hoạt động sản xuất kinh doanh về rừng của tư nhân.

Trên cơ sở phân tích sơ đồ trên chúng tôi nhận thấy hình thức này có những ưu điểm cũng như hạn chế sau:

*\* Ưu điểm:*

- Phù hợp với chính sách hiện hành nên dễ thực hiện.
- Người nhận đất nhận rừng có chủ quyền trên mảnh đất của mình (có sổ đỏ) nên có điều kiện vay vốn ngân hàng để đầu tư, phát triển, chủ động kế thừa, chuyển nhượng.
- Gắn được trách nhiệm với quyền lợi của người được nhận đất, nhận rừng.
- Phát huy được sự năng động của nông hộ trong việc quản lý phát triển rừng.

*\* Nhược điểm:*

- Phân chia đất rừng cụ thể về mặt pháp lý đến từng hộ có nguy cơ làm mất truyền thống quản lý tài nguyên thiên nhiên dựa vào cộng đồng, dòng họ. Đây là tập quán truyền thống quý báu của người dân bản địa, họ thường coi tài sản từ thiên nhiên là của cả cộng đồng, mọi người đều có quyền hưởng.
- Thời gian nhận đất nhận rừng khá dài (thường từ 20 - 50 năm) nên khi gia

đình tách hộ sẽ có nguy cơ phát sinh mâu thuẫn, xé lẻ rừng vốn diện tích đã nhỏ bé.

- Có khả năng phát sinh mâu thuẫn giữa các hộ trong phân chia lợi ích, phân chia các loại rừng giàu nghèo, vị trí xa gần khác nhau. Trong một buôn vẫn có hộ không được nhận đất nhận rừng.

- Khó thúc đẩy các phương thức hợp tác trong quản lý, phát triển rừng.

- Trình độ các hộ khác nhau nên việc nhận thức và thực hiện việc quản lý phát triển rừng sẽ không đồng đều.

- Dễ mất rừng do một số hộ quá khó khăn hoặc vì tham lợi trước mắt mà sang nhượng rừng trái phép cho những người sản xuất nông nghiệp.

#### 2.2.4. Quản lý cộng đồng

Quản lý cộng đồng (thôn, bản, nhóm hộ, nhóm người cùng hưởng lợi). Mặc dù cộng đồng không phải là một chủ thể kinh tế, nhưng đây là một loại hình tập thể rất phù hợp với phong tục tập quán của người dân. cộng đồng cũng là một chủ thể sở hữu tư liệu sản xuất. Hình thức này cũng có mặt mạnh, mặt yếu của nó. Đối với đồng bào dân tộc Tây Nguyên, buôn làng có lịch sử phát triển và tồn tại khá bền vững. Họ đã từng gắn bó với nhau trong sản xuất, đời sống, chống chọi với thiên nhiên và các thế lực thù địch khác để tồn tại và phát triển.

Quản lý rừng cộng đồng không phải là hình thức quản lý mới ra đời, mà nó vốn là loại hình quản lý cổ truyền của người dân địa phương, cùng quản lý và cùng hưởng thụ. Hình thức này đã tạo nên các phương thức sử dụng tài nguyên lâu bền và gắn liền với vốn kiến thức bản địa về hệ sinh thái rừng của người dân địa phương. Quản lý rừng cộng đồng gắn liền với người dân địa phương miền núi. Kiểu quản lý này phổ biến và đã tồn tại trong một thời gian rất dài, khi mà tài nguyên rừng đang còn dồi dào và khi Nhà nước chưa đủ sức quản lý ở những vùng xa xôi.

Hiện nay, tại nhiều địa phương có những khu rừng cộng đồng cổ truyền hiện vẫn tồn tại và phát triển.

Sự tồn tại của một số khu rừng cộng đồng cho thấy bản thân hình thức quản lý rừng cộng đồng có những ưu điểm nhất định. Vậy thì tại sao chúng ta không nghĩ đến việc tạo điều kiện để hình thức quản lý rừng cộng đồng cùng tồn tại với hai hình thức quản lý rừng nhà nước và rừng tư nhân?

Trên thực tế, không phải bất cứ khu rừng nào Nhà nước cũng quản lý được (những khu rừng nhỏ, phân tán, ít giá trị) và quản lý tư nhân cũng không thể phủ hết những phần rừng còn lại. Hiện tại, trong tổng số khoảng 10 triệu ha đất có rừng của cả nước, đã giao được 6 triệu ha cho tổ chức kinh tế (lâm trường, đơn vị kinh tế) và 2 triệu ha cho nông hộ (năm 1998), cùng với khoảng 1 triệu ha rừng đặc dụng; số rừng/đất rừng còn lại (khoảng 1 triệu ha) vẫn chưa có chủ quản lý.

Vậy thì, phần đất còn lại ai sẽ là người quản lý của những “khu rừng vô chủ” đó? Nên chăng cùng với giao rừng/đất rừng cho tư nhân hãy trao lại những khu rừng chưa có chủ này cho các cộng đồng vốn trước kia đã là “chủ” của nó?

#### *2.2.5. Quản lý dựa vào cộng đồng*

Về mặt lý luận, cộng đồng địa phương đóng vai trò rất quan trọng đối với quá trình thực hiện và giám sát quá trình thực hiện các quy định của quy ước. Tuy nhiên, theo truyền thống, họ coi công tác bảo vệ và phát triển môi trường là nhiệm vụ của các cơ quan chức năng đóng trên địa bàn. Đây cũng chính là lý do giải thích tại sao việc thực hiện các quy ước bảo vệ và phát triển môi trường tại cộng đồng còn chưa thực sự có hiệu quả. Điều này đòi hỏi phải có sự phối kết hợp nhịp nhàng giữa chính quyền các cấp, đoàn thể của địa phương để việc thực hiện các quy định của quy ước thực sự có hiệu quả.

Những bài học kinh nghiệm

- Cách tiếp cận áp đặt “từ trên xuống” đã không tạo ra sự tham gia tích cực của cán bộ và người dân địa phương vào việc quản lý tài nguyên cùng với sự quản lý yếu kém, sự thụ động trong việc lập kế hoạch và sự phụ thuộc về tài chính của chính quyền địa phương vào chính quyền trung ương là những nguyên nhân chính hạn chế thành công của các chương trình, chính sách quản lý tài nguyên của chính phủ trong thời gian qua.

- Chính quyền địa phương cấp cơ sở cần được trao nhiều quyền hơn và cần được đảm bảo các điều kiện cần thiết về các nguồn lực, khả năng tiếp cận thông tin và hành lang pháp lý thuận lợi để thực thi các quyền được trao.

- Để sự tham gia thực sự có hiệu quả cần xác định sự hưởng lợi rõ ràng cho các bên có liên quan trong quản lý tài nguyên, kể cả các cán bộ được trao quyền và người dân địa phương, có như vậy mới tạo ra động lực cho sự tham gia.

- Người dân cần được thông tin đầy đủ về các chương trình dự án của chính phủ để họ có thể ra các quyết định đúng đắn và phù hợp về việc tham gia của họ vào các chương trình chính sách này.

- Cần có cơ chế thích hợp cho việc kiểm tra, giám sát các hoạt động của các tổ chức và cá nhân được trao quyền trong quá trình thực thi các nhiệm vụ được giao, từ đó đưa ra những biện pháp thích hợp nâng cao trách nhiệm giải trình đối với cấp trên và cả đối với người dân địa phương của các cá nhân, tổ chức được trao quyền.

### **2.3. Giáo dục môi trường**

"Giáo dục môi trường là một quá trình thông qua các hoạt động giáo dục chính quy và không chính quy nhằm giúp con người có được sự hiểu biết, kỹ năng và giá trị tạo điều kiện cho họ tham gia vào phát triển một xã hội bền vững về sinh thái".

Mục đích của Giáo dục môi trường nhằm vận dụng những kiến thức và kỹ năng vào gìn giữ, bảo tồn, sử dụng môi trường theo cách thức bền vững cho cả thế hệ hiện tại và tương lai. Nó cũng bao hàm cả việc học tập cách sử dụng những công nghệ mới nhằm tăng sản lượng và tránh những thảm họa môi trường, xóa nghèo đói, tận dụng các cơ hội và đưa ra những quyết định khôn khéo trong sử dụng tài nguyên. Hơn nữa, nó bao hàm cả việc đạt được những kỹ năng, có những động lực và cam kết hành động, dù với tư cách cá nhân hay tập thể, để giải quyết những vấn đề môi trường hiện tại và phòng ngừa những vấn đề mới nảy sinh.

### **2.4. Truyền thông môi trường**

Truyền thông được hiểu là một quá trình trao đổi thông tin, ý tưởng, tình cảm, suy nghĩ, thái độ giữa hai hoặc một nhóm người với nhau.

"Truyền thông môi trường là một quá trình tương tác xã hội hai chiều nhằm giúp cho những người có liên quan hiểu được các yếu tố môi trường then chốt, mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau của chúng và cách tác động vào các vấn đề có liên quan một cách thích hợp để giải quyết các vấn đề về môi trường".



Truyền thông môi trường không nhằm quá nhiều vào việc phổ biến thông tin mà nhằm vào việc chia sẻ nhận thức về một phương thức sống bền vững và nhằm khả năng giải quyết các vấn đề môi trường cho các nhóm người trong cộng đồng xã hội.

Mục tiêu của truyền thông môi trường nhằm:

- Thông tin cho người bị tác động bởi các vấn đề môi trường biết tình trạng của họ, từ đó họ quan tâm đến việc tìm kiếm các giải pháp khắc phục.
- Huy động các kinh nghiệm, kỹ năng, bí quyết địa phương tham gia vào các chương trình bảo vệ môi trường.
- Thương lượng hoà giải các xung đột, khiếu nại, tranh chấp về môi trường giữa các cơ quan, trong nhân dân.
- Tạo cơ hội cho mọi thành phần trong xã hội tham gia vào việc bảo vệ môi trường, xã hội hoá công tác bảo vệ môi trường.
- Khả năng thay đổi các hành vi sẽ được hữu hiệu hơn thông qua đối thoại thường xuyên trong xã hội.

Truyền thông môi trường được thực hiện chủ yếu qua các phương thức sau:

- Chuyển thông tin tới từng cá nhân qua việc tiếp xúc tại nhà, tại cơ quan, gọi điện thoại, gửi thư.
- Chuyển thông tin tới từng nhóm qua hội thảo, tập huấn, huấn luyện, họp nhóm, tham quan, khảo sát...
- Chuyển thông tin qua các phương tiện truyền thông đại chúng: báo chí, tivi, radio, pano, áp phích, tờ rơi, phim ảnh,....
- Tiếp cận truyền thông qua những buổi biểu diễn lưu động, tham gia hội diễn, các chiến dịch, tham gia các lễ hội, các ngày kỷ niệm...

## KẾT LUẬN

Muốn phát triển bền vững thì trong phát triển phải tính đến yếu tố môi trường. Sự phân tích của các tác giả theo 3 vấn đề tác động đến môi trường để chúng ta lựa chọn, xem xét cả trên bình diện quốc tế, quốc gia, vùng lãnh thổ và từng địa phương. Suy cho cùng thì mỗi chúng ta cần phấn đấu cho một môi trường trong sạch, cho sự phát triển bền vững của cả chúng ta và các thế hệ mai sau. Quản lý môi trường là một lĩnh vực của khoa học môi trường, với mục tiêu là sự phát triển bền vững và làm cho môi trường sạch và xanh nhằm đảm bảo chất lượng cuộc sống của người dân, hạn chế tối đa các tác động có hại đối với môi trường do các hoạt động phát triển gây nên. Công tác quản lý môi trường rất cần sự chung tay ủng hộ của các cơ quan đoàn thể và người dân, trong đó vai trò không thể thiếu của những nhà khoa học nhằm đưa ra những giải pháp đúng đắn và tối ưu nhất. Tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền nâng cao ý thức giữ gìn bảo vệ môi trường đến tất cả các đối tượng trong xã hội. Tăng cường nghiên cứu, áp dụng các thành tựu của khoa học kỹ thuật vào công tác quản lý môi trường để nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, nguyên vật liệu cho các quá trình sản xuất và hạn chế tối đa các tác động có hại đối với môi trường của các quá trình này. Cần tập trung giải quyết các vấn đề bức xúc nhằm ngăn chặn việc gia tăng ô nhiễm môi trường, suy giảm đa dạng sinh học và tài nguyên thiên nhiên, đảm bảo an ninh môi trường.

Bên cạnh đó nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường bảo đảm thống nhất, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường. Đồng thời, rà soát chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các Bộ, ngành liên quan đến công tác bảo vệ môi trường, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương. Ban hành các văn bản triển khai Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 tại địa phương; tăng cường tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và triển khai các nội dung của Luật vào thực tiễn địa phương, đặc biệt là những nội dung mới. Kiện toàn tổ chức và tăng cường năng lực cho các cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường tại địa

phương; chú trọng việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, tuyển chọn cán bộ có chuyên môn phù hợp với yêu cầu của công tác quản lý môi trường. Phải tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về môi trường; rà soát, khoanh vùng các đối tượng có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, rủi ro xảy ra sự cố môi trường và có các biện pháp kiểm soát chặt chẽ hoạt động xả thải, phòng ngừa các sự cố môi trường bằng các biện pháp kỹ thuật – công nghệ phù hợp; xử lý dứt điểm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; xây dựng năng lực ứng phó với sự cố môi trường, các vụ việc gây ô nhiễm môi trường. Tăng tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động sự nghiệp môi trường bảo đảm yêu cầu trong giai đoạn mới, đặc biệt là có cơ chế phù hợp và tăng chi ngân sách cho các hoạt động quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, trong đó có công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát; bảo đảm bố trí đủ nguồn vốn thực hiện Chương trình quốc gia khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường giai đoạn 2016-2020.

Tiếp theo cần phải hoàn thiện và đổi mới cơ chế, chính sách tài chính cho bảo vệ môi trường như các loại thuế, phí và các công cụ tương đồng theo nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền” và đồng thời huy động nguồn lực xã hội hóa cho bảo vệ môi trường. Trước mắt, cần phải bảo đảm bố trí không dưới 1% ngân sách của địa phương chi cho sự nghiệp bảo vệ môi trường; tăng cường theo dõi, giám sát việc quản lý, sử dụng nguồn chi này một cách hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm, đảm bảo chi đúng mục tiêu và đủ kinh phí theo quy định nhằm nâng cao hiệu quả nguồn ngân sách nhà nước. Về lâu dài cần phải có cơ chế điều tiết, phân bổ và sử dụng đúng mục đích về các nguồn thu cho mục đích bảo vệ môi trường. Các khoản chi phí có mục đích bảo vệ môi trường cần được phản ánh đầy đủ vào trong nền kinh tế, bao gồm cả trong giá thành các sản phẩm và trong các chỉ tiêu vĩ mô của nền kinh tế, qua đó vừa giúp người sản xuất, người tiêu dùng nhận thức được vai trò của bảo vệ môi trường cũng như các nhà hoạch định, điều hành chính sách thấy được các tổn thất, các đánh đổi giữa phát triển kinh tế với môi trường.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### *\* Các ấn phẩm:*

1. Lê Văn Khoa- Đoàn Danh Tiến - Nguyễn Song Tùng- Nguyễn Quốc Việt, 2009, Môi trường và phát triển bền vững, NXB GD.
2. Lê Văn Thăng, 2008, Giáo trình khoa học môi trường đại cương, NXN Đại học Huế.
3. Phan Như Thúc, 2008, Giáo trình Quản lí môi trường. ( Sách điện tử)
4. Nguyễn Trần Nhẫn Tánh, 2005, Bài giảng Quản lí môi trường tài nguyên thiên nhiên và vật liệu, Đại Học An Giang.

### *\* Các website:*

5. [http://www.vacne.org.vn/Nhanthuc\\_Kienthuc/HoidapveQLMT\\_2%20.htm](http://www.vacne.org.vn/Nhanthuc_Kienthuc/HoidapveQLMT_2%20.htm)
6. <http://www.monre.gov.vn/monreNet/default.aspx?tabid=210&ItemID=63362>
7. <http://www.chungta.com>
8. <http://www.tchdkh.org.vn/tchitiet.asp?code=576>
9. <http://phattrienbenvung.bravehost.com/>
10. <http://www.wikipedia>
11. Hướng tới phát triển bền vững nông nghiệp nông thôn ở Việt Nam  
<http://ipsard.gov.vn/dspr/news/newsdetail.asp?targetID=2490>
12. Phát triển bền vững  
<http://my.opera.com/Watashitachi/blog/environment>
13. <http://nhansinhthai.com/moi-truong-cuoc-song.php?id=25>
14. <http://nhansinhthai.com/quy-dinh-nhan-tai-viet-nam.php?id=27>
15. <http://yeumoitruong.com/forum/showthread.php?t=1523>
16. Môi trường - Thành tố cho sự phát triển bền vững  
<http://doithoaitre.vtv.vn/Article.aspx?Ctrl=ArticleDetail&cid=2&id=149>
17. Nguồn tài nguyên của Đồng bằng sông Cửu Long [http://www.siwrp.org.vn/?id\\_pnewsv=375&lg=vn&start=0](http://www.siwrp.org.vn/?id_pnewsv=375&lg=vn&start=0)

